

Số : 178/NQ - ĐHCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 177/BB - VKC của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel, ngày 15/04/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 kế hoạch nhiệm vụ năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 5: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch SXKD năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 6: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 7: Thông qua Tờ trình Về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 8: Thông qua Tờ trình Về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 9: Thông qua Tờ trình Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 10: Thông qua Tờ trình Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.843.996 chiếm tỷ lệ 99,9328% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 11: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2024.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 12: Thông qua Tờ trình Về giao dịch nội bộ trên 10% Tổng tài sản

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 2.881.286 chiếm tỷ lệ 99,6774% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 13: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 14: Thông qua Tờ trình bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028:



▪ **Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

- Ông Hoàng Đức Hoa (Số yếu lý lịch đính kèm)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 10.841.966 chiếm tỷ lệ 99,9141% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
Hoàng Đức Hoa	TV HĐQT	10.845.266	99,94

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- Cổ đông;
- HNX (CBTT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỌA


Dương Minh Chính

Số: 177/BB - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Địa chỉ trụ sở chính: Km 9 Xa Lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy CN ĐKDN số: 0305409326

Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thời gian: Vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 04 năm 2024,
- Địa điểm: A100, Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (sau đây viết tắt là “ĐHĐCĐ” hoặc “Đại hội”) với các nội dung như sau:

PHẦN I. GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Thành phần tham dự

- Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức VNSTEEL theo danh sách chốt ngày 18/03/2024.
- Đại biểu mời tham dự gồm có:
 - + Đại biểu khách mời Ông Nghiêm Xuân Đa – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP;
 - + Hội đồng quản trị Công ty; Ban kiểm soát Công ty; Ban điều hành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL
 - + Cùng các ông/bà là cán bộ, nhân viên đại diện cho các phòng ban chuyên môn, của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL về dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

- Người báo cáo: Bà Đỗ Thị Quế Nga – Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 18/03/2024, sở hữu 12.225.393 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL .
 - Cổ đông tham dự Đại hội: 37 cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông (có mặt lúc 8h35), sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.842.568 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,69% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Đến giờ bỏ phiếu biểu quyết (10h10) có 44 cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.851.291 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,76% tổng số cổ



phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

3. Bầu Đoàn Chủ tịch, Giới thiệu Thư ký, Bầu Ban Kiểm Phiếu.

Bầu Đoàn Chủ tịch:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch đoàn
Ông Nguyễn Xuân Tiến	UV.HĐQT, TGD Công ty	Thành viên
Ông Cao Anh Kiệt	UV.HĐQT, Phó TGD	Thành viên

Đại hội biểu quyết đồng ý nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Giới thiệu Ban thư ký:

Ông Vũ Xuân Trường	Thư ký HĐQT	Trưởng ban thư ký
Ông Trần Văn Chung	Phó phòng KHKD	Thành viên

Bầu Ban Kiểm Phiếu:

Ông Mạc Như Nghi	TP.TCHC	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Việt	BT.ĐTN	Thành viên
Bà Đào Bội Hiền	Chuyên viên	Thành viên

Đại hội biểu quyết đồng ý nhất trí thông qua danh sách Ban Kiểm Phiếu với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

4. Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội nghe Ông Dương Minh Chính thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua Chương trình ĐH, Quy chế làm việc của Đại hội với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Nội dung 1: Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 kế hoạch nhiệm vụ năm 2024.

Người trình bày: Ông Cao Anh Kiệt – UV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2023.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT Công ty;

Nội dung 3: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát năm 2023.

Người trình bày: Bà Đoàn Hồng Hà – Trưởng ban kiểm soát;

Nội dung 4: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 5: Tờ trình Về kế hoạch SXKD năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính - Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 6: Tờ trình Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 7: Tờ trình Về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 8: Tờ trình Về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 9: Tờ trình Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 11: Tờ trình Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2024.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 12: Tờ trình Về giao dịch nội bộ trên 10% Tổng tài sản.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 13: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

Nội dung 14: Tờ trình bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Người trình bày: Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

(*) Nội dung báo cáo và tờ trình được đính kèm Biên bản này.

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Không có

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ CÁC TỜ TRÌNH

Lúc 10 giờ 26 phút, cổ đông tham dự Đại hội: 44 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.851.291 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau do ông Mạc Như Nghi - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày:

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 45 đại diện cho 10.851.291 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 42 đại diện cho 10.851.276 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9999 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: 3 đại diện cho 15 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0001% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 kế hoạch nhiệm vụ năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho: 7.280 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,671 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0194 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho: 7.280 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0671% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

Nội dung 4: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 80 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0007% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch SXKD năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0194 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 2.030 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0187% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho: 7.280 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0671% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình Về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 80 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0007 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình Về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho: 7.280 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0671% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

Nội dung 9: : Thông qua Tờ trình Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.



- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 80 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0007% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.843.996 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9328% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 3 đại diện cho: 7.280 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0671 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0194% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua.

Nội dung 12: Thông qua Tờ trình Về giao dịch nội bộ trên 10% Tổng tài sản

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 36 đại diện cho: 2.883.396 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,7504% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 34 đại diện cho: 2.881.286 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,6774% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0730% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,2491% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua.

Nội dung 13: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0194% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 13 đã được thông qua.

Nội dung 14: Thông qua Tờ trình bầu bổ sung HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028

- **Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

Ông Hoàng Đức Hoa

(Sơ yếu lý lịch đính kèm)

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 40 đại diện cho: 10.844.076 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9335% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.841.966 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9141% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 2.110 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0194% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 2 đại diện cho: 7.200 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0664% tính trên tổng số phiếu biểu quyết dự họp.

Như vậy, Nội dung 14 đã được thông qua.

PHẦN V: BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT

Lúc 11 giờ 00 phút, cổ đông tham dự Đại hội: 44 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.851.291 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,76 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội nghe trình bày và bầu ứng viên với kết quả bầu cử như sau:

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT

STT	Họ Tên ứng viên	Chức vụ	Số Phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử (%)
1	Ông Hoàng Đức Hoa	UV.HĐQT	10.845.266	99,94

PHẦN VI: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Ông Vũ Xuân Trường – Thư ký Đại hội, đọc toàn văn Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL.

Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Biên bản này được lập thành 01 bản và được lưu tại của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL.

Đại hội kết thúc 11 giờ 30 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vũ Xuân Trường

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA

Chủ tọa



Dương Minh Chính



**TÀI LIỆU SAU ĐẠI HỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Số: 186 /BC - VKC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2023
KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2024

PHẦN I
TỔNG KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Tình hình thế giới:

Đầu năm giá cả nguyên liệu cho sản xuất thép như quặng, sắt thép vụn, phôi thép, thép thành phẩm ... có chiều hướng tăng và tăng mạnh đến cuối tháng 3; Từ Quý 2 đến cuối Quý 3 giá cả giảm liên tục; Quý 4 giá ổn định và có chiều hướng tăng nhẹ.

Giá cả vật tư nguyên vật liệu phụ cho sản xuất như (VLCL, Fero, điện cực ...) duy trì ổn định.

Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, bất ổn chính trị nhiều nơi; đặc biệt chiến tranh quân sự giữa Nga và Ucraina, xung đột quân sự ở Trung Đông gây bất ổn nghiêm trọng đến kinh tế thế giới.

Tình hình kinh tế trong nước:

Kinh tế vĩ mô trong nước gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng GDP rất thấp (ước khoảng 4,8%); chính phủ thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát. Đầu tư công thấp, tín dụng cho BĐS bị thắt chặt.

Tình hình thị trường thép trong nước:

Đầu năm 2023 thị trường trong nước tiêu thụ chậm, sức mua yếu do nhu cầu thấp vì có tết dương lịch và tết cổ truyền. Tuy nhiên do giá cả vật tư nguyên vật liệu tăng liên tục cho nên các nhà sản xuất đã điều chỉnh tăng giá thép liên tục (trong quý 1 Thép V điều chỉnh tăng 5 lần vào các ngày 08/01, 17/01, 01/02, 05/02, 08/03 với tổng mức 900 đ/kg tuy nhiên lượng thép hấp thụ vào công trình thấp vì nhu cầu thực chưa có. Các nhà sản xuất tìm mọi giải pháp để đẩy mạnh luân chuyển hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và điều tiết giảm sản lượng sản xuất. Cạnh tranh mạnh giữa các thương hiệu như VAS, Vinakyoei và đặc biệt là Hòa Phát.

Từ Quý 2 đến cuối Quý 3 thị trường thép rất xấu các nhà sản xuất liên tục giảm giá, Thép V giảm 10 lần (lần đầu ngày 05/4; lần cuối ngày 08/9) với tổng mức 1.500 đ/kg. Quý 4 giá thép giữ ổn định và có chiều hướng tăng nhẹ (thép V tăng 100 đ/kg ngày 23/9) nhưng công trình dân dụng rất yếu không hấp thụ được sản phẩm.

Giá các loại VTNL cho sản xuất thép như giá thép vụn nội địa, giá gang, giá phôi ... tăng/giảm khó lường (lệnh pha so với thế giới), và không cùng biên độ so với thành phẩm.

Giá phân giao dịch cao nhất trong tháng 2 khoảng 14.700 đ/kg, đến tháng 9 thấp nhất khoảng 12.000 đ/kg.

Tình hình Thép Thủ Đức:

Trong năm: định mức 720 ca (60 ca/tháng) thì thống kê

Luyện thép 300ca/720ca = 42% (số ca định mức)

Cán thép 270ca/720ca = 38% (số ca định mức)

Cho nên sản lượng rất thấp số liệu cụ thể như trong báo cáo.

Kết quả trên là đã có tiêu thụ được trên 21.000 tấn thép, và cán gia công được gần 8.000 tấn, nếu không thì Luyện thép và cán thép còn phải ngưng nhiều thêm:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2023:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện năm 2023			So với năm 2022	
			Lũy kế thực hiện năm	% so KH được giao	Ghi chú	Thực hiện năm 2022	% so cùng kỳ 2022
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	120.000	90.380	75,3		110.103	82,1
	Trong đó gia công	-	7.325	-		-	-
	- Thép cán	110.000	82.322	74,8		97.090	84,8
	Trong đó gia công	-	7.804	-		-	-
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Thép cán	110.000	75.126	68,3		101.751	73,8
	Trong đó xk	-	22.235	-		26.797	83,0
	- Phôi thép	-	21.512	-		11.312	190,2
3	Giao SP gia công: (tấn)	-	7.804	-		-	-
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15,0	10,9	72,7		0,1	10.900,0
5	Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng)	-	16,5	-		15,6	107,7

Các chỉ tiêu về sản xuất tiêu thụ năm 2023 đạt 68,3 - 75,3% kế hoạch năm, đạt từ 73,8 - 84,7% so với cùng kỳ 2022.

Chỉ tiêu lợi nhuận: Có lãi 10,9 tỷ đồng đạt 72,2% kế hoạch được giao.

Giữ thu nhập ổn định cho người lao động.

Giữ tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhất để giảm chi phí tài chính. Thu mua kết hợp các nguồn, các loại liệu hợp lý để có giá thành tối ưu.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công tác trọng tâm năm 2023

a. Công tác kế hoạch, sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2023 chỉ tiêu về sản xuất thép thỏi đạt 75,3% kế hoạch năm 2023 bằng 82,1% so cùng kỳ năm 2022 do bị hư máy biến thế 55 ngày và thị trường xấu không tiêu thụ được sản phẩm cũng như không tiêu thụ được thép thỏi trong quý 2 & quý 3 nên Công ty phải tiết giảm sản xuất (ngưng sản xuất và chỉ sản xuất ca đêm).

Tiêu thu thép cán đạt rất thấp 68,3% so với kế hoạch năm 2023 bằng 73,8% so với cùng kỳ 2022, tiêu thụ rất thấp do thị trường kém vì đầu tư công thấp, bất động sản đóng băng, lạm phát toàn cầu, cũng như có nguy cơ suy thoái kinh tế ...

Do tình hình chung như vậy cho nên sản xuất thép cán cũng đạt thấp 74,8% so với kế hoạch năm 2023 và bằng 84,8% so với cùng kỳ năm 2022 (Do Công ty cũng đã gia công được cho Tây Đô 7.800 tấn).

b. Công tác kỹ thuật, đầu tư, An toàn.

Phát huy có hiệu quả tốt các công trình hạng mục đã được đầu tư, sửa chữa lớn năm 2022.

Sửa chữa lớn thiết bị tại xưởng luyện, xưởng cán theo yêu cầu; sửa chữa máy biến thế 25MVA bị phóng điện ngày 20/2/2023 đến ngày 15/4/2023 mới đưa vào chạy nghiệm thu.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường được thực hiện tốt. Trong năm có xảy ra 1 vụ tai nạn lao động nhẹ.

Công tác tiết kiệm năng lượng được thực hiện tốt, Công ty được Sở Công thương TP.HCM chứng nhận đạt giải thưởng “SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ”.

Trong năm có 22 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận, ước làm lợi cho Công ty 1,3 tỷ đồng, với tổng số tiền thưởng sáng kiến là 118 triệu đồng.

Theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật của các xưởng sản xuất, để tổng hợp báo cáo.

Chỉ tiêu KTKT năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM BQ 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện 2022	So sánh ĐM %	So sánh cùng kỳ %
Phôi thép							
1	Điện năng tại lò (EAF + LF)	Kwh/T	555	562	545	101,3	103,1
2	Điện phụ trợ	Kwh/T	75	59	64	78,6	92,2
3	Phế liệu	T/T	1,130	1,133	1,107	100,3	102,3
4	FeSi	Kg/T	1,0	1,41	0,932	141,0	151,3
5	SiMn	Kg/T	7,0	6,44	6,053	92,0	106,4
6	Điện cực	Kg/T	2,0	2,082	2,072	104,1	100,5
Thép cán							

1	Tiêu hao phôi (t/hao thực tế)	T/T	1,030	1,025	1,027	99,5	99,8
2	Tiêu hao Gas	Sm ³ /T	20,0	30,5	23,00	150,0	132,6
	S/lượng lò gas	Tấn		26.606	30.113		
3	Điện lò nung	Kwh/T	122	112	118	91,8	94,9
	S/lượng lò điện	Tấn		55.716	66.977		
4	Điện cán	Kwh/t	105	114	108	108,6	105,5

Sản xuất 26.606 tấn qua lò gas trong quý 1 và tháng 12 (cũng như bổ sung thời nguội nhiều) do vậy tiêu hao khí gas cao hơn định mức và cao hơn cùng kỳ; từ quý 2 trở đi chỉ sản xuất lò điện cảm ứng.

Tiêu hao phế liệu tăng cao hơn so với cùng kỳ do cuối năm 2022 tiến hành tịnh bãi kiểm kê phế liệu, lượng phế liệu tồn kho thực tế cao hơn so với số liệu tồn kho theo báo cáo, nên căn cứ vào khối lượng liệu tồn kho sau tịnh bãi, công ty đã tính toán lại tổng lượng liệu đã xuất để tính tiêu hao, dẫn đến giảm tiêu hao liệu của năm 2022.

Tiêu hao điện năng cao hơn cùng kỳ do trong năm 2023 chủ yếu nấu luyện vào ca đêm,

Tiêu hao FeSi cao hơn cùng kỳ do tỷ lệ luyện phôi thép bán hàng CB240/SS400 cao hơn 80% so với cùng kỳ.

Một số chỉ tiêu tiêu hao cán thép thấp hơn cùng kỳ do công tác bảo trì thiết bị, công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật được thực hiện tốt, quá trình sản xuất cán ổn định, ít xảy ra sự cố.

c. Công tác chất lượng:

Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm được đẩy mạnh; hạn chế được sản phẩm không phù hợp ra thị trường, trong năm không có phản hồi của khách hàng.

Sản xuất phôi thép: Tỷ lệ phôi thép phù hợp là 99,91% và không phù hợp là 0,09% (do phôi thép bị rỉ, lẫn xỉ và bị chẻ đầu gây sự cố trong quá trình cán).

Sản xuất thép cán:

Tỷ lệ thép chính phẩm là 99,455%

Tỷ lệ thép ngắn là 0,545%

Tỷ lệ thép phế do bị vảy, lệch trục, mất gân ... là 0,014%

d. Công tác Tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương, hành chính:

Công tác tổ chức, nhân sự: Thực hiện tốt công tác Đại hội đồng cổ đông 2023 (nhiệm kỳ 2023-2028) trong đó có bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát.

Thực hiện quy trình về việc bổ nhiệm/bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng (Đ/c Trường, Đ/c Thành, Đ/c Châu). Trong năm đã bổ nhiệm 1 Quyền Trưởng phòng rồi Trưởng phòng KHKD, 1 Phó Trưởng phòng KHKD.

Tháng 4/2023 Công ty phải cơ cấu lại sản xuất kinh doanh cũng như lao động (tinh giảm biên chế và nghỉ việc 37 người) và chỉ duy trì sản xuất ca đêm.

Tổng số CBCNV đầu năm là 317 người, cuối năm là 263 người.

Được thực hiện tốt, lập kế hoạch lao động, kế hoạch *Công tác lao động, tiền lương*: tiền lương 2023, quyết toán tiền lương 2022.

Công ty cũng hỗ trợ số lao động tinh giảm cũng như phải hỗ trợ lương cho CBCNV trong tháng 3, tháng 4, tháng 5 và Quý 4 năm 2023.

Tuyển dụng bổ sung lao động cho các đơn vị luyện, cán theo nhu cầu sản xuất.

Giải quyết chế độ cho lao động nghỉ việc, hưu trí theo đúng quy định.

Công tác đào tạo: Trong năm đã tổ chức lớp sơ cấp cứu cho người lao động các phân xưởng, cử các đồng chí tham gia đào tạo tập huấn theo chương trình của Tổng Công ty và yêu cầu của các đơn vị.

Công tác Văn phòng, pháp chế: Rà soát sửa đổi các Quy chế, Quy định hiện hành của Công ty cho phù hợp; thực hiện thông báo và tổ chức lịch tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân (Công ty duy trì lịch tiếp công dân 1 lần/tháng). Trong năm 2023 Lãnh đạo công ty đã tiếp nhận và giải quyết ổn thoả 01 ý kiến của người lao động.

Công ty cất giảm không thuê bảo vệ bên ngoài, củng cố lực lượng bảo vệ tại chỗ, duy trì tốt công tác an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, trực tự vệ công ty trong những ngày ngừng sản xuất, ngày nghỉ lễ, tết ..

Duy trì công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của Công ty; biên tập và đưa tin, bài lên trang fanpage của Tổng công ty.

Công tác công nghệ thông tin: Tiếp tục thực hiện công tác số hóa qua phần mềm Workit, nhận diện chấm công bằng khuôn mặt. Đối với phần mềm quản lý nhân sự, quản lý văn bản v.. để phục vụ chuyển đổi số Công ty đã tổ chức khóa hướng dẫn cho Cán bộ phòng ban, phân xưởng để áp dụng thực hiện từ năm 2024.

Duy trì hoạt động của trang Website của Công ty theo đúng quy định.

Duy trì họp với Tổng Công ty hoặc học tập quán triệt các Nghị quyết, chuyên đề ... qua zoometing.

Công tác tài chính:

Hoàn thành lập và kiểm toán Báo cáo tài chính 2023, công bố thông tin đúng quy định. Hoàn tất thực hiện quyết toán thuế năm 2023.

Cân đối chuẩn bị tốt dòng tiền trong thanh toán.

Theo dõi, tổng hợp, đánh giá định kỳ tháng/quý/năm số liệu kết quả SXKD, tồn kho, công nợ ... để tổng hợp báo cáo lãnh đạo.

Thực hiện kết luận của Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty.

e. Công tác thị trường



Nắm bắt dự báo tình hình thị trường, triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ hàng tháng/quý/năm để cân đối tiêu thụ thời, và khi thị trường tốt mua thép thời bổ sung cho sản xuất cán ...

Thực hiện công tác cung ứng vật tư nguyên vật liệu đáp ứng cho sản xuất hàng tháng/quý/năm.

Kết hợp tiêu thụ thép nội địa và xuất khẩu hợp lý, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và giữ ổn định thu nhập người lao động

f. Công tác đời sống xã hội:

Thực hiện khám sức khỏe cho người lao động 361.555.000 đồng; khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động 33.130.000 đồng.

Thực hiện chế độ nghỉ mát cho người lao động 5.000.000 đồng/người.

Thực hiện chi cho CBCNV tiền đồng phục, giày dép là 6.000.000 đồng/người.

Thực hiện chế độ sinh nhật cho CBCNV hàng năm mức 500.000 đồng/người.

Chi cho CBCNV là nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Đóng góp xã hội tại địa phương: Trong năm Công ty đã sửa chữa 1 căn nhà tại địa phương với tổng số tiền là 47.825.0000 đồng, và ủng hộ mua quà cho người nghèo nhân dịp tết cổ truyền số tiền: 15.000.000 đ.

Đánh giá tình hình SXKD năm 2023:

Do tình hình chung của thế giới và trong nước cùng với bất động sản đóng băng, đầu tư công không có do đó sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ trong năm đạt thấp từ 68,3% đến 75,3% kế hoạch năm đặt ra chỉ bằng 73,8 đến 84,7% so với cùng kỳ năm 2022 trong tình trạng chung của toàn ngành, tuy nhiên được sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, sự đồng lòng của đội ngũ người lao động cho nên Công ty có hiệu quả (có lãi 10,9 tỷ đồng đạt 72,7% kế hoạch được giao), tuy rằng tiền thuê đất năm 2023 tăng 100% so với năm 2022 lên 12 tỷ/năm.

Do tình hình phải tiết giảm sản lượng, công ty đã phải tinh giảm cơ cấu lại sản xuất và lao động để duy trì ổn định đời sống người lao động.

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Tình hình thế giới:

Giá thép thế giới sau khi giảm mạnh và giảm liên tục đến cuối năm 2023 thì nhận định vẫn xấu vào đầu năm 2024; chiến tranh Nga-Ucraina chưa chấm dứt, xung đột tại Trung Đông, bất ổn chính trị nhiều nơi. Thế giới đối diện nguy cơ khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Năm 2024 được dự báo gặp nhiều khó khăn như: kinh tế thế giới tăng trưởng thấp dự báo 2,4%, lãi suất duy trì ở mức cao, chính sách thắt chặt tiền tệ của các quốc gia, an ninh năng lượng toàn cầu rủi ro, thiên tai diễn biến khó lường ...

Thị trường trong nước:

Trong nước dự báo năm 2024 tăng trưởng GDP 5,8-6,0%, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đối với thị trường Bất động sản được dự báo có khả năng phục hồi nhẹ trong năm 2024.

Đối với ngành thép Việt Nam: Thị trường nội địa cũng như xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do sự suy giảm của thị trường bất động sản, giải ngân đầu tư công chưa đạt kỳ vọng, cạnh tranh rất lớn từ thép nhập khẩu đặc biệt từ Trung Quốc.

Giá nguyên liệu và phôi thép cuối năm 2023 có xu hướng tăng mạnh trong khi thành phẩm tăng ít vì nhu cầu thực chưa có; thị trường thép năm 2024 có nhiều thách thức và nhận định vẫn xấu; cạnh tranh mạnh giữa các nhà sản xuất trong nước đặc biệt là VAS, Hòa Phát, Vinakyoel ...

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2024:

1. Sản xuất - kinh doanh.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 cũng như các dự báo tình hình trong và ngoài nước.

Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel xây dựng kế hoạch dựa trên cơ sở phải được UBND.TPHCM chấp thuận cho Thép Thủ Đức được SXKD tại khu đất hiện hữu.

Do đó, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đặt ra như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch năm 2024	% so với năm 2023
1	Sản xuất phôi thép	Tấn	110.103	90.380	100.000	110,6
2	Sản xuất thép cán	Tấn	97.090	82.322	80.000	97,2
3	Tiêu thụ thép cán	Tấn	101.751	75.126	80.000	106,5
4	Tiêu thụ phôi	Tấn	11.312	21.512	20.000	93,0
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	0,1	10,9	7,0	64,2

- Trên đây là kịch bản cho trường hợp khả thi nhất.

- Phối hợp với Thép Miền Nam nắm bắt tình hình thị trường, điều hành sản xuất linh hoạt đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thép cán nội địa và xuất khẩu.
- Giữ tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhất để giảm chi phí tài chính.
- Thu mua kết hợp các nguồn, các loại liệu hợp lý để có giá thành tối ưu.
- Cân đối tiêu thụ thép thời (khi thị trường gặp khó khăn) để ổn định đời sống tạo việc làm cho người lao động.

2. Công tác kỹ thuật, an toàn, đầu tư:

- Triển khai các hạng mục trọng tâm đã được duyệt.
- Sửa chữa lớn thiết bị, nhà xưởng theo kế hoạch.
- **Đối với dự án di dời:** Tiếp tục tìm địa điểm để đầu tư di dời theo kế hoạch năm 2023 đã được duyệt.
- Tăng cường công tác an toàn trong sản xuất, tăng cường công tác quản lý máy móc thiết bị đặc biệt các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của luyện thép và cán thép.
- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ, BVMT.
- Hoàn thiện các thủ tục, chủ trương để được chấp thuận của các cấp các ngành cho gia hạn sản xuất tại khu đất hiện hữu (để được cấp giấy phép xả thải, cũng như được vay vốn ngân hàng ...).

3. Công tác tài chính.

- Hoàn thành quyết toán năm 2023, kiểm toán niên độ tài chính năm 2024 theo quy định.
- Chuẩn bị kế hoạch dòng tiền đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát tốt chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm; phân tích đánh giá các chỉ tiêu chi phí đầu vào, chi phí tài chính, hiệu quả trong SXKD.
- Chuẩn bị tài chính để cho kế hoạch đầu tư thường xuyên (dự án nhóm C) và SCL năm 2024 theo quy định.
- Thực hiện báo cáo tài chính hàng tháng, công bố thông tin đúng quy định. Thực hiện tốt công tác chuyên môn hàng tháng. Thực hiện các công tác để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024.
- Chấp hành thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thực hiện vốn dự án, triển khai thực hiện các phương án vốn và giải ngân vốn cho dự án di dời (dự án nhóm B) nếu được duyệt.

4. Công tác quản lý CLSP.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường không để lọt sản phẩm không phù hợp.
- Thực hiện đánh giá hợp quy, hợp chuẩn, đánh giá phòng thí nghiệm, đánh giá ISO 2015 theo quy định.
- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm bên ngoài, kết hợp cùng phân xưởng cán thép kiểm soát tốt đóng bó sản phẩm.

5. Công tác cán bộ, lao động - đời sống:

- Công tác lao động, tiền lương: Dự báo tình hình hoạt động sản xuất năm 2024 chưa ổn định, kế hoạch tuyển lao động vẫn ưu tiên cho bộ phận sản xuất nhằm dự phòng lực lượng khi tình hình sản xuất có chuyển biến tích cực.

- Công tác chính sách chế độ: Giải quyết đầy đủ chính sách chế độ cho CB.CNV.

- Tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch cho CB.CNV.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ người và tài sản của Công ty.

- Đào tạo: Tổ chức lớp đào tạo chuyên ngành cho CBCNV trong công.

PHẦN III ĐÁNH GIÁ CHUNG MỌI MẶT CÔNG TÁC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Thép Thủ Đức năm 2023 rất thấp nhưng Công ty đã phấn đấu có lợi nhuận 10,9 tỷ đạt 72,7% kế hoạch giao là bởi Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực huy động sự đoàn kết đồng lòng của đội ngũ CBCNV; có sự chỉ đạo của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, và sự giúp đỡ hỗ trợ của Công ty Thép Miền Nam - Vnsteel trong công tác điều phối tiêu thụ sản phẩm.

Thép Thủ Đức đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị ...

Việc chấp hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đầu tư vào doanh nghiệp khác được chấp hành và thực hiện nghiêm túc như: Các biểu mẫu báo cáo được thực hiện đầy đủ nghiêm túc và đúng hạn.

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức luôn tuân thủ và phối hợp tốt theo Nghị quyết 463 của Đảng ủy Tổng Công ty và Quyết định 357 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty nhằm đem lại hiệu quả lớn nhất cho thị phần chung cũng như lợi ích của các đơn vị sản xuất Thép /V/.

PHẦN IV KIẾN NGHỊ

1. Kiến Nghị Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tiếp tục chỉ đạo, giúp đỡ Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel trong công tác đầu tư dự án nhóm B “Dự án di dời dây chuyền luyện cán thép hiện hữu”.
2. Kiến Nghị Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tiếp tục chỉ đạo, giúp đỡ Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm vì hiện nay Thép Thủ Đức gặp khó khăn nhất so với các đơn vị trong hệ thống Thép /V/ (Thép Vicasa thì có tự doanh thép cuộn kéo dây, Thép Nhà Bè thì có tự doanh thép góc).

Nơi nhận:

- Tcty (b/c);
- HĐQT (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Đương Minh Chính

Số: 187/BC - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ

HĐQT Công ty trong năm 2023 gồm 5 thành viên như sau:

1. Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Xuân Tiến – Thành viên, Tổng Giám đốc
3. Ông Cao Anh Kiệt – Thành viên, Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Lê Bá Phương – Thành viên HĐQT
5. Bà Nguyễn Thị Mai Khanh – Thành viên HĐQT

Đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu ngày 14/4/2023.

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết; Hội đồng quản trị đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện Nghị quyết từng quý.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương kịp thời giải quyết những vướng mắc khó khăn từ thực tế. Trong năm 2023 HĐQT đã nỗ lực và chủ động đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm giảm chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho cổ đông và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Vốn điều lệ của Công ty: 122.253.930 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2023).

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt được 10,910 tỷ, đạt 72,7% kế hoạch.



Một số chỉ tiêu và kết quả SXKD năm 2023 như sau:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện năm 2023			So với năm 2022	
			Lũy kế thực hiện năm	% so KH được giao	Ghi chú	Thực hiện năm 2022	% so cùng kỳ 2022
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	120.000	90.380	75,3		110.103	82,1
	Trong đó gia công	-	7.325	-		-	-
	- Thép cán	110.000	82.322	74,8		97.090	84,8
	Trong đó gia công	-	7.804	-		-	-
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Thép cán	110.000	75.126	68,3		101.751	73,8
	Trong đó xk	-	22.235	-		26.797	83,0
	- Phôi thép	-	21.512	-		11.312	190,2
3	Giao SP gia công: (tấn)	-	7.804	-		-	-
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	15,0	10,9	72,7		0,1	10.900,0
5	Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng)	-	16,5	-		15,6	107,7

2. Về đầu tư tài sản cố định (TSCĐ), trang bị bổ sung và sửa chữa lớn:

a. Về đầu tư tài sản cố định:

- Trong năm 2023 HĐQT và Ban điều hành đã cân đối nguồn nhân lực để đầu tư: có kế hoạch đầu tư 2 hạng mục với tổng mức 4,5 tỷ đồng gồm:

- + Cải tạo động cơ K1-K3 cán thô
- + Máy cắt đầu K5

Nhưng trong năm không thực hiện

b. Về tình hình sửa chữa lớn.

Trong năm 2023 Công ty đã sửa chữa lớn các hạng mục tại các phân xưởng đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất chung của Công ty, tất cả các hạng mục sửa chữa lớn được nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán đúng quy định.

- + Sửa chữa lợp mái nhà xưởng: quyết toán 526 triệu đồng
- + Sửa chữa buồng túi vải: quyết toán 148 triệu đồng
- + Sửa chữa Chassi cán trung:
- + Sửa chữa động cơ K8-K9:
- + Sửa chữa hệ thống thoát nước:

3. Về tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, HĐQT đã đảm bảo chế độ họp một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT Công ty còn thường xuyên trao đổi hàng ngày hoặc qua điện thoại để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch.HĐQT	4	4
02	Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên HĐQT	4	4
03	Cao Anh Kiệt	Ủy viên HĐQT	4	4
04	Nguyễn Thị Mai Khanh	Ủy viên HĐQT	4	4
05	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	4	4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	78/NQ-VKC	15/02/2023	Về đánh giá kết quả công tác quý 4 và năm 2022; kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 1 và năm 2023	100%
2	81/NQ-VKC	16/02/2023	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	202/NQ-VKC	14/04/2023	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 và bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó TGD	100%
4	308/NQ-VKC	28/04/2023	Về đánh giá kết quả công tác quý 1 năm 2023, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2023	100%
5	328/NQ-VKC	09/05/2023	Về việc bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	100%
6	369/NQ-VKC	19/06/2023	Về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	100%
7	439/NQ-VKC	22/08/2023	Về đánh giá kết quả công tác quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2023	100%

8	546/NQ-VKC	18/10/2023	Về đánh giá kết quả công tác quý 3 và 9 tháng đầu năm 2023, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2023	100%
---	------------	------------	--	------

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2023.

Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng)	Ghi chú
01	Nguyễn Thị Mai Khanh	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thù lao 4 Trđ/tháng
02	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thù lao 4 Trđ/tháng
	Tổng cộng		96.000.000	

Các thành viên khác của HĐQT trong năm 2023 đều làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương tháng nên không hưởng thù lao.

Mức thù lao trên được thực hiện theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, HĐQT kính báo cáo đề Quý cổ đông rõ.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Theo Phụ lục đính kèm Báo cáo này.

6. Về công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của ban điều hành để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty vận hành theo mục tiêu và kỳ vọng của cổ đông. HĐQT luôn có những chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời nhằm giúp ban điều hành phản ứng linh hoạt trước những biến động của thị trường.

Năm 2023, HĐQT đã theo sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

7. Các kế hoạch trong tương lai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel xem xét trình chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Sản xuất phôi thép : 100.000 tấn

- Sản xuất thép cán : 80.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 80.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 20.000 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 7,0 tỷ đồng.

Trên đây là hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2023 và kế hoạch trong tương lai năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông (b/c);
- HĐQT (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Dương Minh Chính



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024



**BÁO CÁO KIỂM SÁT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÁT**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/4/2023;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2023, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÁT NĂM 2023

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 4 cuộc họp trong năm 2023 (hình thức gửi mail), đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xem xét việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã đề ra;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý số liệu tài chính của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Xem xét thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu nhập thông tin tài liệu và các Nghị quyết, các báo cáo một cách kịp thời, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SÁT

Mức thù lao Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel chi trả cho BKS trong năm 2023 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đ)	Thù lao/năm (đ)
01	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000

02	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
03	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000

III. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN		2023/ 2022	
	2023	2022	+ / -	%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.396.308.901.163	1.843.409.543.319	-447.100.642.156	-24,3%
Giá vốn hàng bán	1.348.053.020.051	1.817.158.039.963	-469.105.019.912	-25,8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.255.881.112	26.251.503.356	22.004.377.756	83,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.199.787.019	964.052.509	1.235.734.510	128,2%
Chi phí tài chính	1.040.230.475	7.056.022.258	-6.015.791.783	-85,3%
Chi phí bán hàng	9.282.052.523	10.673.048.948	-1.390.996.425	-13,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.895.512.071	4.278.160.257	16.617.351.814	116,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.237.873.062	-4.791.675.598	14.029.548.660	292,8%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.910.063.208	115.030.645	10.795.032.563	9.384,5%

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL so với kế hoạch 2023 và cùng kỳ 2022:

Về sản xuất kinh doanh phi thép: Sản lượng sản xuất đạt 90.380,2 tấn, đạt 75,3% kế hoạch, giảm 19.722,5 tấn và giảm 17,9% so với cùng kỳ; Tiêu thụ phi thép 21.512,4 tấn, tăng 10.200 tấn và tăng 90,2% so với cùng kỳ.

Về sản xuất kinh doanh thép cán: Sản lượng sản xuất đạt 82.322,3 tấn, đạt 74,8% kế hoạch, giảm 14.768 tấn và giảm 15,2% so với cùng kỳ; Tiêu thụ đạt 75.126,2 tấn, đạt 68,3% kế hoạch, giảm 26.624,7 tấn và giảm 26,2% so với cùng kỳ; Doanh thu đạt 1.099,7 tỷ đồng, giảm 567,4 tỷ và giảm 34% so với cùng kỳ.

Năm 2023 thị trường tiêu thụ thép vẫn còn nhiều khó khăn, Công ty phải tiết giảm sản xuất, chủ yếu sản xuất ca đêm để tránh tồn kho nhiều nên sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ thép cán đều giảm so với 2022.

Doanh thu bán hàng đạt 1.398 tỷ đồng, giảm 455,7 tỷ và giảm 24,6% so với cùng kỳ. Doanh thu này chủ yếu từ việc tiêu thụ thép cán 1.099,7 tỷ. Các khoản giảm trừ doanh thu 1,8 tỷ đồng, giảm 8,6 tỷ và giảm 82,6% so với cùng kỳ là do chính sách chiết khấu thương mại tùy thuộc từng năm và do sản lượng tiêu thụ thép trong năm cũng giảm so với 2022.

Doanh thu thuần đạt 1.396,3 tỷ đồng, giảm 447,1 tỷ và giảm 24,3%, do sản lượng tiêu thụ thép cán giảm 26,2% và giá bán giảm 10,6%, đồng thời giá bán phi thép cũng giảm 8,4%.

Giá vốn 1.348 tỷ đồng, giảm 469,1 tỷ và giảm 25,8% so với cùng kỳ; Lợi nhuận gộp 48,2 tỷ tăng 22 tỷ và tăng 83,8%.

Doanh thu hoạt động tài chính 2,1 tỷ đồng tăng 1,2 tỷ và tăng 128,2% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính 1 tỷ giảm 6 tỷ và giảm 85,3% trong đó chi phí lãi vay 962 triệu đồng giảm 4,8 tỷ giảm 83,6% do công ty tiết giảm sản xuất, cân đối dòng tiền, giảm thiểu nợ vay để giảm chi phí tài chính.

Chi phí bán hàng 9,2 tỷ, giảm 1,3 tỷ và giảm 13% do sản lượng tiêu thụ thời tăng 90,2%, chi phí bốc xếp vận chuyển tăng 27% nhưng sản lượng tiêu thụ thép cán giảm 26,2% nên chi phí thương hiệu chữ “V” giảm 39%.

Chi phí quản lý 30,8 tỷ tăng 16,6 tỷ và tăng 116,4% do thuế phí, lệ phí tăng 3,1 tỷ tăng 35%, chi phí nhân viên quản lý 13,2 tỷ tăng 6 tỷ tăng 84%.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 9,2 tỷ tăng 14 tỷ và tăng 292,8%, lợi nhuận khác 1,6 tỷ giảm 3,2 tỷ giảm 65,9% hoạt động khác được xem là hoạt động bất thường, không phụ thuộc vào hoạt động sản xuất kinh doanh Cty, do vậy năm nay công ty không phát sinh khoản thu nhập từ thu hồi vật tư.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 10,9 tỷ đồng, đạt 72,7% kế hoạch, tăng 10,7 tỷ và tăng 9.384,5% so với 2022.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC; Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

	TÀI SẢN	31/12/2023	01/01/2023	+/-	%
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	412.180.390.968	353.075.507.490	59.104.883.478	16,7
	Tiền và các khoản tương đương tiền	122.727.069.626	32.612.653.924	90.114.415.702	276,3
	Các khoản phải thu ngắn hạn	122.041.750.130	59.250.860.472	62.790.889.658	106,0
	Hàng tồn kho	164.345.209.413	254.411.957.836	(90.066.748.423)	-35,4
	Tài sản ngắn hạn khác	3.066.361.799	6.800.035.258	(3.733.673.459)	-54,9
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	11.243.412.138	15.921.625.156	(4.678.213.018)	-29,4
	Tài sản cố định	8.648.052.120	15.125.083.470	(6.477.031.350)	-42,8
	Tài sản dở dang dài hạn	783.360.018	783.360.018	-	0,0
	Tài sản dài hạn khác	1.812.000.000	13.181.668	1.798.818.332	13.646,4
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	423.423.803.106	368.997.132.646	54.426.670.460	14,7
	NGUỒN VỐN	31/12/2023	01/01/2023	+/-	%
C.	NỢ PHẢI TRẢ	123.687.397.518	77.869.272.145	45.818.125.373	58,8
	Nợ ngắn hạn	72.639.397.518	26.821.272.145	45.818.125.373	170,8
	Nợ dài hạn	51.048.000.000	51.048.000.000	-	0,0
	Phải trả dài hạn khác	51.048.000.000	51.048.000.000	-	0,0
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	299.736.405.588	291.127.860.501	8.608.545.087	3,0
	Vốn chủ sở hữu	299.736.405.588	291.127.860.501	8.608.545.087	3,0
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	133.022.034.635	124.413.489.548	8.608.545.087	6,9
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	423.423.803.106	368.997.132.646	54.426.670.460	14,7

Nhận xét tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2023:

* Về tài sản:

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến cuối kỳ là 122,7 tỷ đồng tăng 90,1 tỷ đồng, tăng 276,3% so với đầu năm, trong đó:
 - + Tiền mặt 245,5 triệu đồng tăng 104,6 triệu đồng, tăng 74,3%.
 - + Tiền gửi không kỳ hạn 2,9 tỷ đồng tăng 509,7 tỷ đồng, tăng 20,6%.
 - + Tiền gửi có kỳ hạn 119,5 tỷ đồng tăng 89,5 tỷ, tăng 298,3 % Công ty giảm hàng tồn kho tại 31/12/2023, khoản tiền này tạm thời nhận rồi.
 - Các khoản phải thu ngắn hạn 122 tỷ đồng, tăng 62,7 tỷ đồng, tăng 106%, trong đó:
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 62,1 tỷ đồng, tăng 101,4% so với đầu kỳ, số tiền những khách hàng còn nợ Công ty đến thời điểm 31/12/2023 là 123,3 tỷ đồng, trong đó:
 - Nợ luân chuyển 120,5 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (80,2 tỷ), Cty TNHH Thép Vina Kyoiei (26,2 tỷ), Cty CP Thép Nhà Bè – Vnsteel (14 tỷ), Chip Mong Group Co,Ltd (2,1 triệu), nợ này do chưa đến hạn thu.
 - Nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng Cty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2.
 - + Trả trước người bán ngắn hạn 155 triệu đồng giảm 49,9 triệu, giảm 24,4%.
 - + Phải thu ngắn hạn khác 1,3 tỷ đồng tăng 740 triệu, tăng 129,3%.
 - + Đến 31/12/2023 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng.
 - Giá gốc hàng tồn kho đến 31/12/2023 là 164,3 tỷ đồng giảm 90 tỷ đồng, giảm 35,4% so với đầu năm, chủ yếu:
 - Thép cán* : 6.941,5 tấn (trị giá 94,7 tỷ đồng giảm 14,5%).
 - Phôi thép*: 1.579,4 tấn (trị giá 19,5 tỷ đồng tăng 4,9%)
 - Gang thép phế liệu*: 3.244 tấn (trị giá 28,6 tỷ đồng giảm 29,8%)
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 359,3 triệu*
 - Tài sản ngắn hạn khác 3 tỷ đồng giảm 3,7 tỷ, giảm 54,9% trong đó:
 - + Chi phí trả trước ngắn hạn 3 tỷ đồng giảm 1,6 tỷ, giảm 35,4%.
 - + Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 0 đồng giảm 100% Công ty đã khấu trừ hết khoản thuế này
 - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm 972,8 triệu đồng, giảm 0,3% do công ty thanh lý một số tài sản cố định hết khấu hao, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.
 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 783,3 triệu đồng là quy hoạch dự án Cty CP Thép Thủ Đức.
 - Chi phí trả trước dài hạn 1,8 tỷ đồng tăng 1,7 tỷ, tăng 13.646% đây là khoản phân bổ chi phí sửa chữa máy biến thế 24 tháng.
- * *Về nguồn vốn: Tổng nợ phải trả của Cty đến 31/12/2023 là 123,6 tỷ đồng tăng 45,8 tỷ, tăng 58,8% so với đầu kỳ, chủ yếu:*
- Phải trả người bán ngắn hạn 43,3 tỷ đồng tăng 40,2 tỷ, tăng 1.290%.
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 3,2 tỷ tăng 3 tỷ, tăng 1.321,8%.
 - Phải trả người lao động 21,2 tỷ tăng 3,9 tỷ, tăng 22,9%.

- Chi phí phải trả ngắn hạn 3,6 tỷ giảm 246,9 triệu, giảm 6,3% trong đó trích trước tiền điện 3,5 tỷ, tiền nước và điện thoại 69,9 triệu, chi phí quản lý 75 triệu.
- Phải trả ngắn hạn khác 807,6 triệu giảm 70,3 triệu giảm 8%.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 243,7 triệu, giảm 1 tỷ, giảm 81,8%.
- Phải trả dài hạn khác 51 tỷ đồng là tiền hỗ trợ di dời của Cty REFICO 50 tỷ đồng và 1 tỷ là tiền ký quỹ mượn vỏ chai oxy của khách hàng trước đây.

3. Công tác sửa chữa lớn năm 2023

Kế hoạch sửa chữa năm 2023 là 11 hạng mục với tổng giá trị sửa chữa dự kiến ban đầu 8,2 tỷ đồng, nhưng đến tháng 09/2023 Công ty đã thay đổi kế hoạch sửa chữa còn 8 hạng mục với tổng mức đầu tư dự kiến 4,1 tỷ đồng.

Đến 31/12/2023 Công ty đã triển khai thực hiện được 5 hạng mục, chi tiết từng hạng mục:

3.1 Sửa chữa lợp mái các xưởng, kế hoạch 800 triệu đồng

Thực hiện: Thay thế mái tôn hư hỏng, mục nát tránh gây sự cố khi trời mưa, đảm bảo an toàn sản xuất.

Thực tế giải ngân: 1.155,3 triệu đồng (chưa VAT)

Bắt đầu thực hiện tháng 02/2023 – Thực hiện xong tháng 12/2023

3.2 Sửa chữa buồng túi vải hút bụi, buồng tháp phun sương, kế hoạch 160 triệu đồng

Thực hiện: Thay các tấm sàn, chế tạo tấm sàn.

Thực tế giải ngân: 148,8 triệu đồng (chưa VAT)

Bắt đầu thực hiện tháng 02/2023 – Thực hiện xong tháng 04/2023

3.3 Sửa chữa chassi giá cán trung tinh (5 bộ), kế hoạch 340 triệu đồng

Thực hiện: Làm lại phần thân chassi các giá cán bị mục phần thân, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

Bắt đầu thực hiện tháng 07/2023 – Thực hiện xong tháng 10/2023

Thực tế giải ngân: 301 triệu đồng (chưa VAT)

3.4 Sửa chữa động cơ và tủ điện K8 – K9, kế hoạch 1,1 tỷ đồng

Thực hiện: Động cơ bị vô nước giảm cách điện, thiết bị tủ điện xuống cấp cần thay thế.

Thực tế giải ngân: 1 tỷ đồng (chưa VAT)

Bắt đầu thực hiện tháng 03/2023 – Thực hiện xong tháng 10/2023

3.5 Sửa chữa hệ thống thoát nước, kế hoạch 500 triệu đồng

Thực hiện: Thông, nạo vét chống ngập.

Bắt đầu thực hiện tháng 02/2023 – Thực hiện xong tháng 12/2023

Thực tế giải ngân: 163,5 triệu đồng (chưa VAT)

4. Công tác đầu tư năm 2023

Kế hoạch đầu tư năm 2023 có 02 hạng mục, tổng mức đầu tư dự kiến phê duyệt 4,5 tỷ đồng là cải tạo hệ thống nước phân xưởng cán; Máy cắt đầu K5, hiện không thực hiện 2 dự án này do chưa xác định được kế hoạch di dời và tình hình kinh doanh không thuận lợi.

5. Công tác đầu tư di dời của Công ty năm 2023

Công ty vẫn đang tiếp tục tìm kiếm địa điểm để báo cáo Tổng Công ty. Mặt khác Công ty vẫn theo dõi thực hiện các công việc cần thiết gửi các Sở, Ban ngành của TP. HCM để có thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất tại khu đất hiện hữu.

6. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2023

- Năm 2023, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm, HĐQT duy trì đầy đủ các phiên họp định kỳ; những vấn đề cần thiết phải thảo luận, biểu quyết trong cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định tại Công ty; các vấn đề được HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng Nghị quyết;
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời để thông qua các vấn đề chính như: Thông qua kế hoạch SXKD; Công tác đầu tư; Công tác bổ nhiệm cán bộ..., cơ bản các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao;
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

7. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2023

Ban Điều hành đã triển khai tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. công tác tiết giảm tối đa các chi phí trong hoàn cảnh thị trường thép gặp nhiều khó khăn.

Giữ tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm hợp lý để giảm chi phí tài chính.

Thích ứng với hoàn cảnh thị trường thép Ban Điều hành đã cơ cấu lại sản xuất và tinh giản nhân sự lao động. Chủ yếu sản xuất ca đêm nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập ổn định cho CBCNV Cty.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó:
Không có
2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:
Không có

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

- Ban kiểm soát thường xuyên có những trao đổi với HĐQT và Ban điều hành qua các hình thức như: trao đổi trực tiếp, văn bản và thư điện tử.
- Ban kiểm soát cũng thường xuyên cử đại diện tham gia các cuộc họp của các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này, BKS đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình
- HĐQT, Ban điều hành cũng như các đơn vị phòng ban trong Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện để BKS có thể thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các báo cáo, hồ sơ chứng từ đều được cung cấp đầy đủ đến BKS khi có yêu cầu.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư, di dời Công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

Báo cáo này đã được tất cả thành viên Ban kiểm soát thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà



Số: 188 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đã được kiểm toán độc lập bởi *Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC* ký ngày 21/02/2024, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra thẩm định và được Công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023.

Chi tiết Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel được gửi kèm theo tờ trình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 189 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch SXKD năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Sản xuất phôi thép : 100.000 tấn
- Sản xuất thép cán : 80.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 80.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 20.000 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 7,0 tỷ đồng.

Năm 2024 dự báo nhu cầu thép toàn cầu suy giảm mạnh, kinh tế vĩ mô trong nước gặp nhiều khó khăn. Tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel căn cứ diễn biến thực tế của thị trường để cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh - lợi nhuận phù hợp với tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 190/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả SXKD năm 2023 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2024 như sau:

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Chuyển đổi số quản lý Văn phòng	2.000	Vốn DN	
2	Lắp Scada 110KV Vikimco	800	Vốn DN	
3	Máy tiện vụn năng	1.000	Vốn DN	
TỔNG CỘNG:		3.800	Ba tỷ tám trăm triệu đồng chẵn	

Về vốn đầu tư: thu xếp nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP THỦ ĐỨC
- VNSTEEL
Đương Minh Chính

Số: 01/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2023;

Căn cứ kết quả báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Kết quả đạt được năm 2023:
Tổng lợi nhuận trước thuế 10.910.063.208 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN 8.608.545.087 (đồng)
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023: 133.022.034.635 đồng.
- Kết quả chia lợi nhuận: Tổng vốn điều lệ 122.253.930.000 (đồng)

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/LNCP	Tỷ lệ %/VĐL
1	Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	85.577.751.000	64,33%	70,00%
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	1.800.000.000	1,35%	
3	Quỹ khen thưởng người quản lý công ty	200.000.000	0,15%	
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	45.444.283.635	34,16%	
	TỔNG CỘNG	133.022.034.635	100%	

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính

Số: 192/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức- Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế	7.000.000.000 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	5.600.000.000 (đồng)
Tổng vốn điều lệ	122.253.930.000 (đồng)

2. Kết quả chia lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN được chia 5.600.000.000 đồng như sau:

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/LNPP	Tỷ lệ %/VĐL
01	Chia lãi cổ phần bằng tiền mặt	4.890.157.200	87,32%	4,0%
02	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	550.000.000	9,82%	
03	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	150.000.000	2,68%	
04	Lợi nhuận để lại đầu tư di dời	9.842.800	0,18%	
	TỔNG CỘNG	5.600.000.000	100%	

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức- Vnsteel thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP THỦ ĐỨC
- VNSTEEL
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH
Dương Minh Chính

Số: 194/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2023. Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2023 như sau:

1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

2. Mức thù lao thực hiện năm 2023:

Năm 2023 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel có 02 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty không trả lương hàng tháng; 01 Trưởng ban kiểm soát và 01 thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm hưởng thù lao. Các thành viên Hội đồng quản trị khác không hưởng thù lao.

Mức thù lao Công ty chi trả như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đồng)	Thù lao/năm (đồng)
01	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
02	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
03	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
04	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
05	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
	TỔNG CỘNG			216.000.000

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL
Dương Minh Chính

Số: 105/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2024 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với các nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mà làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương chức danh hàng tháng thì không hưởng thù lao chức trách kiêm nhiệm.

Đối với kế hoạch tiền lương năm 2024: Đề nghị giao cho HĐQT Công ty thực hiện quyền biểu quyết và điều chỉnh sau khi có văn bản chỉ đạo của Tổng công ty về giao kế hoạch tiền lương năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP THỦ ĐỨC
- VNSTEEL
TP. HỒ CHÍ MINH
Dương Minh Chính

Số: 196/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về giao dịch nội bộ trên 10% Tổng tài sản

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua nội dung như sau:

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel ký kết hợp đồng mua bán thép trả chậm có tổng giá trị lớn hơn 10% Tổng tài sản với các tổ chức là người có liên quan của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (sở hữu 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty), cụ thể như sau:

Stt	Tên khách hàng	Số lượng (tấn)/tháng	Hạn mức tín chấp (tỷ đồng)
01	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	10.000 ÷ 20.000	210
02	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	1.000 ÷ 3.000	45
03	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.000 ÷ 5.000	75

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dương Minh Chính

Số: 07/TTTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ - VNS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc thôi làm người đại diện vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ đơn xin từ nhiệm thôi giữ chức Ủy viên Hội đồng quản trị ngày 08 tháng 04 năm 2024 của Ông Nguyễn Xuân Tiến.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Tiến – Miễn nhiệm Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính

Số: 198/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ - VNS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL nhiệm kỳ 2023 -2028 như sau:

1. Bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028:

- Số Lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung : 01 người
- Nhiệm kỳ : 2023 -2028
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia HĐQT (theo Khoản 1, điều 155, Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách ứng viên bổ sung vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028

- Ông Hoàng Đức Hoa - Thành viên HĐQT (có sơ yếu lý lịch kèm theo)

Các nội dung khác liên quan đến bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP THỦ ĐỨC
- VNSTEEL
Đương Minh Chính

Số: 19/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/4/2023, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2023 Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Trong năm qua Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2023 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, để đảm bảo thuận lợi cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số năm (05) Công ty kiểm toán (bao gồm Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, PricewaterhouseCoopers (PWC), Deloitte, Ernst and Young (E&Y) và KPMG) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đoàn Hồng Hà



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 37
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 17 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên
Ông Lê Bá Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2023
Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập ngày 12 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 01 và số 33 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền về gia hạn thuê đất tại vị trí hiện tại đến hết năm 2022 để có đủ thời gian lập và triển khai thực hiện việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2024

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		412.180.390.968	353.075.507.490
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	122.727.069.626	32.612.653.924
111	1. Tiền		3.227.069.626	2.612.653.924
112	2. Các khoản tương đương tiền		119.500.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		122.041.750.130	59.250.860.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	123.324.273.458	61.223.793.940
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	155.010.000	204.990.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	1.312.795.258	572.405.118
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.750.328.586)	(2.750.328.586)
140	IV. Hàng tồn kho	08	164.345.209.413	254.411.957.836
141	1. Hàng tồn kho		164.704.597.540	255.010.271.981
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(359.388.127)	(598.314.145)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.066.361.799	6.800.035.258
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.066.361.799	4.743.155.605
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.118.784.023
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	938.095.630
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.243.412.138	15.921.625.156
220	II. Tài sản cố định		8.648.052.120	15.125.083.470
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.554.996.562	14.932.027.916
222	- Nguyên giá		310.673.132.246	311.645.938.569
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(302.118.135.684)	(296.713.910.653)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	93.055.558	193.055.554
228	- Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(206.944.442)	(106.944.446)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	783.360.018	783.360.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		783.360.018	783.360.018
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.812.000.000	13.181.668
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.812.000.000	13.181.668
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		423.423.803.106	368.997.132.646

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		123.687.397.518	77.869.272.145
310	I. Nợ ngắn hạn		72.639.397.518	26.821.272.145
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	43.366.037.069	3.119.917.326
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.580.883	13.580.883
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.252.514.961	228.760.680
314	4. Phải trả người lao động		21.265.352.504	17.305.244.304
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.690.499.132	3.937.435.920
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	807.699.036	878.038.446
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		243.713.933	1.338.294.586
330	II. Nợ dài hạn		51.048.000.000	51.048.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	51.048.000.000	51.048.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		299.736.405.588	291.127.860.501
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	299.736.405.588	291.127.860.501
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.752.106.672	26.752.106.672
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.022.034.635	124.413.489.548
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		124.413.489.548	125.383.764.574
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.608.545.087	(970.275.026)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		423.423.803.106	368.997.132.646

Đỗ Thị Quế Nga
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.398.128.724.425	1.853.865.926.040
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.819.823.262	10.456.382.721
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.396.308.901.163	1.843.409.543.319
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.348.053.020.051	1.817.158.039.963
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.255.881.112	26.251.503.356
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.199.787.019	964.052.509
22	7. Chi phí tài chính	23	1.040.230.475	7.056.022.258
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		962.151.088	5.851.585.146
25	8. Chi phí bán hàng	24	9.282.052.523	10.673.048.948
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30.895.512.071	14.278.160.257
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.237.873.062	(4.791.675.598)
31	11. Thu nhập khác	26	2.228.507.771	6.118.929.903
32	12. Chi phí khác	27	556.317.625	1.212.223.660
40	13. Lợi nhuận khác		1.672.190.146	4.906.706.243
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.910.063.208	115.030.645
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.301.518.121	1.085.305.671
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.608.545.087</u>	<u>(970.275.026)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	575	(79)



Đỗ Thị Quế Nga
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024



Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.910.063.208	115.030.645
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.477.031.350	8.509.048.675
03	- Các khoản dự phòng		(2.278.223.082)	(10.052.671.569)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.869.818)	(3.241.426)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.844.041.798)	(250.326.249)
06	- Chi phí lãi vay		962.151.088	5.851.585.146
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.221.110.948	4.169.425.222
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(61.430.438.486)	44.015.270.697
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		90.305.674.441	168.303.808.921
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		47.812.006.415	(72.446.220.312)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(122.024.526)	1.127.676.027
14	- Tiền lãi vay đã trả		(962.151.088)	(5.906.148.330)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(167.751.066)	(3.248.154.683)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.094.580.653)	(4.700.963.847)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		88.561.845.985	131.314.693.695
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(4.459.380.338)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		36.000.000	15.454.545
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.566.434.949	198.707.321
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.602.434.949	(4.245.218.472)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		154.443.478.151	761.459.927.180
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(154.443.478.151)	(869.835.990.230)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(55.674.750)	(186.485.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(55.674.750)	(108.562.548.050)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		90.108.606.184	18.506.927.173
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.612.653.924	14.102.510.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.809.518	3.216.676
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>122.727.069.626</u>	<u>32.612.653.924</u>



Đỗ Thị Quế Nga
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024



Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 17 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 122.253.930.000 VND; tương đương với 12.225.393 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 259 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 314 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sắt, thép, gang.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục xin gia hạn thuê đất tại vị trí hiện tại đến hết năm 2022 để có đủ thời gian lập và triển khai việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh thương mại để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng ít nhất một năm kể từ ngày phát hành Báo cáo tài chính này. Công ty dự kiến sẽ đạt được mức lợi nhuận mong muốn và đảm bảo dòng tiền để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trả.
- Đồng thời, ngày 20/12/2023, Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần ban hành Công văn số 1132/VNS-TCKT về cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động tốt trong thời gian tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm 2023, Công ty vẫn còn bị ảnh hưởng của tình hình khó khăn chung sau đại dịch, hoạt động đầu tư công và ngành bất động sản còn nhiều hạn chế. Nhu cầu tiêu thụ đầu ra thấp, vì vậy, Công ty sản xuất ít hơn để tránh ứ đọng hàng tồn kho. Sản lượng giảm, giá bán ra cũng giảm đã làm cho Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 455,7 tỷ VND tương ứng giảm 24,58% so với năm trước. Giá vốn hàng bán giảm 469,1 tỷ VND tương ứng giảm 25,82% so với năm trước. Đồng thời các khoản chiết khấu thương mại giảm nên Các khoản giảm trừ doanh thu cũng giảm đi. Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên giúp cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 22 tỷ VND so với năm trước, tương ứng với tỷ lệ tăng 83,82%.

Đồng thời, đơn giá tiền thuê đất năm 2023 tăng gần như gấp đôi với năm 2022 đã làm cho Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng 16,6 tỷ VND tương ứng với tỷ lệ tăng 116,38%.

Các yếu tố nêu trên đã giúp cho lợi nhuận kế toán năm nay tăng 10,79 tỷ VND so với năm trước, tương đương tăng 9384,48% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu:

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định nhưng không đủ điều kiện tăng tài sản được ghi nhận theo tổng giá trị phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí vận chuyển, chi phí trợ cấp thôi việc, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành thì ghi giảm doanh thu trên của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sắt thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	245.528.026	140.876.838
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.981.541.600	2.471.777.086
Các khoản tương đương tiền (*)	119.500.000.000	30.000.000.000
	122.727.069.626	32.612.653.924

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 119.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,0%/năm đến 4,15%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	120.571.777.672	-	58.471.358.454	-
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	80.226.802.672	-	58.471.358.454	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL - Chi nhánh Nhơn Trạch	14.095.950.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	26.249.025.000	-	-	-

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 (*)	2.752.495.786	(2.750.328.586)	2.752.435.486	(2.750.328.586)
- Chip Mong Group Co., Ltd	2.167.200	-	2.106.900	-
	123.324.273.458	(2.750.328.586)	61.223.793.940	(2.750.328.586)

(*) Đây là khoản phải thu khó đòi từ Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 ("Công ty Lợi My 2") từ năm 2013 căn cứ theo Hợp đồng mua bán thép số 53/VKC-KHKD và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Trong quá trình thu hồi công nợ, Công ty không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc sẽ được thanh toán khoản phải thu tồn đọng này và Công ty Lợi My 2 có dấu hiệu bỏ trốn.

Ngày 06/06/2018, Công ty đã gửi đơn kiện Công ty Lợi My 2 tới Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Ngày 05/11/2019, Công ty đã nhận được Bản án số 26/2019/KDTM-ST từ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ quyết định Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nợ cho Công ty.

Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ra Quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS ngày 04/03/2020 buộc Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nêu trên cho Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Lợi My 2 mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND trong năm 2013 và 100.985.714 VND trong năm 2022. Trong năm 2023, Công ty chưa nhận thêm được khoản thanh toán nào khác từ Công ty Lợi My 2.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Dịch vụ Kỹ thuật Bách Khoa	-	-	86.490.000	-
- Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường	81.000.000	-	81.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	74.010.000	-	37.500.000	-
	155.010.000	-	204.990.000	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	277.771.232	-	36.164.383	-
- Phải thu về tạm ứng	111.602.916	-	19.951.182	-
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
- Phải thu khác	913.421.110	-	506.289.553	-
	1.312.795.258	-	572.405.118	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	158.337.356	-
- Các đối tượng khác	1.312.795.258	-	414.067.762	-
	1.312.795.258	-	572.405.118	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	-	158.337.356	-
	-	-	158.337.356	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn				
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi Mỹ 2	2.750.328.586	-	2.750.328.586	-
	2.750.328.586	-	2.750.328.586	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.174.054.308	-	125.329.609.037	-
Công cụ, dụng cụ	199.599.302	-	126.118.076	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.536.536.273	-	18.627.387.617	-
Thành phẩm	94.794.407.657	(359.388.127)	110.927.157.251	(598.314.145)
	164.704.597.540	(359.388.127)	255.010.271.981	(598.314.145)

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức	783.360.018	783.360.018
	<u>783.360.018</u>	<u>783.360.018</u>

(*) Đây là các chi phí tư vấn, thiết kế, viết báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định dự án để di dời nhà máy Thép Thủ Đức ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33)

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL
Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	5.533.931.645	311.645.938.569
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(972.806.323)	(972.806.323)
Số dư cuối năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	4.561.125.322	310.673.132.246
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.324.410.039	223.666.900.299	27.903.421.962	3.819.178.353	296.713.910.653
- Khấu hao trong năm	190.838.484	4.718.035.435	906.544.571	561.612.864	6.377.031.354
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(972.806.323)	(972.806.323)
Số dư cuối năm	41.515.248.523	228.384.935.734	28.809.966.533	3.407.984.894	302.118.135.684
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	813.618.937	10.445.721.666	1.957.934.021	1.714.753.292	14.932.027.916
Tại ngày cuối năm	622.780.453	5.727.686.231	1.051.389.450	1.153.140.428	8.554.996.562

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269.624.377.463 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 122.113.393 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 300.000.000 VND và 206.944.442 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận trong năm là 99.999.996 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.066.361.799	4.743.155.605
	<u>3.066.361.799</u>	<u>4.743.155.605</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí thay thế và sửa chữa thiết bị	1.812.000.000	13.181.668
	<u>1.812.000.000</u>	<u>13.181.668</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.035.037.544	2.035.037.544	423.979.202	423.979.202
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	427.210.736	427.210.736	423.979.202	423.979.202
- Công ty Liên doanh Nippovina	1.205.578.000	1.205.578.000	-	-
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	402.248.808	402.248.808	-	-
<i>Bên khác</i>	41.330.999.525	41.330.999.525	2.695.938.124	2.695.938.124
- Công ty TNHH Đầu tư Hưng Lộc Phát	-	-	2.566.854.400	2.566.854.400
- Công ty TNHH Sắt thép Trung Hà	11.581.138.800	11.581.138.800	-	-
- Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Phát triển Tam Phát	4.733.440.800	4.733.440.800	-	-
- Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	3.160.043.484	3.160.043.484	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	16.856.376.441	16.856.376.441	129.083.724	129.083.724
	<u>43.366.037.069</u>	<u>43.366.037.069</u>	<u>3.119.917.326</u>	<u>3.119.917.326</u>

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số được giảm	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	18.776.529.658	16.871.501.442	-	-	1.905.028.216
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	147.793.222	147.793.222	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	938.095.630	-	2.301.518.121	167.751.066	-	-	1.195.671.425
- Thuế thu nhập cá nhân	-	228.605.000	587.562.450	664.518.450	-	-	151.649.000
- Thuế tài nguyên	-	155.680	1.579.760	1.569.120	-	-	166.320
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	12.029.616.789	9.837.109.018	2.192.507.771	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.369.750.316	3.369.750.316	-	-	-
	938.095.630	228.760.680	37.217.350.316	31.062.992.634	2.192.507.771	-	3.252.514.961

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí điện, nước, điện thoại	3.615.499.132	122.289.706
- Chi phí trợ cấp thôi việc	-	3.740.146.214
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trích trước	75.000.000	75.000.000
	3.690.499.132	3.937.435.920

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

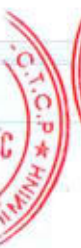
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	190.809.121	224.354.269
- Bảo hiểm xã hội	-	34.168.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	214.127.230	269.801.980
- Phải trả về thuế TNCN của CBCNV	91.625.900	76.107.750
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	311.136.785	273.606.147
	807.699.036	878.038.446
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	272.059	-
- Các đối tượng khác	807.426.977	878.038.446
	807.699.036	878.038.446
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.048.000.000	1.048.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	51.048.000.000	51.048.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	272.059	-
	272.059	-

(*) Theo thoả thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29 tháng 09 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO), hai bên thoả thuận xây dựng khu phức hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6.3 ha tại Km9, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất thủ tục liên quan đến việc Công ty di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập một doanh nghiệp mới để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL: 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO): 74%

Vốn điều lệ ban đầu của doanh nghiệp mới là 30 tỷ VND, sẽ được lần lượt tăng lên 670 tỷ VND theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ ngày REFICO nhận được quyết định giao đất từ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án, REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ VND để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thoả thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ VND để đảm bảo thực hiện thoả thuận. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, nếu Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) không thực hiện thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận.

Ngày 09 tháng 07 năm 2019, REFICO gửi Công văn số 04/2019/CV-REFICO xác nhận hai bên sẽ tạm dừng hợp tác do quy định của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị đã chấm dứt hiệu lực của thoả thuận. Đồng thời REFICO cũng xác nhận khi hoàn trả số tiền cọc Công ty không cần thanh toán tiền phạt cũng như lãi suất phát sinh. Khi công ty chưa hoàn trả tiền cọc, REFICO sẽ được ưu tiên hợp tác với Công ty để hợp tác đầu tư và phát triển dự án bất động sản trên khu đất của Công ty hiện tại.



Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	19.752.106.672	137.721.664.574	297.436.035.527
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(970.275.026)	(970.275.026)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	-	-	-	(5.337.900.000)	(5.337.900.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	124.413.489.548	291.127.860.501
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	124.413.489.548	291.127.860.501
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.608.545.087	8.608.545.087
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	133.022.034.635	299.736.405.588

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
- Công ty Cổ phần Gemadept	10,90	13.321.950.000	10,90	13.321.950.000
- Ông Lê Bá Phương	7,02	8.576.740.000	7,02	8.576.740.000
- Các cổ đông khác	17,09	20.890.140.000	17,09	20.890.140.000
	100	122.253.930.000	100	122.253.930.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	269.801.980	456.286.980
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(55.674.750)	(186.485.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(55.674.750)	(186.485.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	214.127.230	269.801.980

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.		

f) Các quỹ của công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.752.106.672	26.752.106.672
	26.752.106.672	26.752.106.672

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Bá, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất thép, nhà kho và phòng làm việc; diện tích khu đất thuê là 67.045 m². Theo thông báo đóng tiền thuê đất, thời hạn thuê đất là ngắn hạn hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch và Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. (Thông tin chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 33).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	8.706,66	11.294,23

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.368.909.082.613	1.823.206.084.656
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.219.641.812	30.659.841.384
	<u>1.398.128.724.425</u>	<u>1.853.865.926.040</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>1.337.715.011.072</u>	<u>1.753.094.283.255</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.819.823.262	10.456.382.721
	<u>1.819.823.262</u>	<u>10.456.382.721</u>
Trong đó: Các khoản giảm trừ với bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>1.819.823.262</u>	<u>10.172.783.547</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.324.134.978.408	1.788.367.901.646
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	24.156.967.661	28.191.824.172
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(238.926.018)	598.314.145
	<u>1.348.053.020.051</u>	<u>1.817.158.039.963</u>
Trong đó: Mua vật tư từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>21.129.523.868</u>	<u>4.420.849.386</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.808.041.798	234.871.704
Lãi bán hàng trả chậm	304.998.763	227.935.747
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	80.876.640	498.003.632
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	5.869.818	3.241.426
	<u>2.199.787.019</u>	<u>964.052.509</u>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>39.030.551</u>	<u>227.935.701</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	962.151.088	5.851.585.146
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	4.738.048	186.485.941
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	73.341.339	1.017.951.171
	1.040.230.475	7.056.022.258
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.738.048	169.312.599

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.845.539.027	4.591.076.869
Chi phí khác bằng tiền	3.436.513.496	6.081.972.079
	9.282.052.523	10.673.048.948
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.775.997.996	5.767.660.158

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.460.137.884	1.396.512.047
Chi phí nhân công	13.278.326.536	7.232.859.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.467.444	535.750.040
Hoàn nhập dự phòng	(2.039.297.064)	(10.650.985.714)
Thuế, phí, lệ phí	12.100.660.716	8.935.436.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.190.690	1.980.816.344
Chi phí khác bằng tiền	4.675.025.865	4.847.772.411
	30.895.512.071	14.278.160.257

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	36.000.000	15.454.545
Tiền thuê đất được giảm (*)	2.192.507.771	2.287.712.014
Phế liệu thu hồi	-	3.806.501.256
Thu nhập khác	-	9.262.088
	2.228.507.771	6.118.929.903

(*) Theo Thông báo số 2399/QĐ-CTTPHCM ngày 15/05/2023, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2022 do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	-	1.212.140.506
Các khoản bị phạt, chậm nộp	542.615.625	83.154
Chi phí khác	13.702.000	-
	556.317.625	1.212.223.660

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.910.063.208	115.030.645
Các khoản điều chỉnh tăng	674.615.625	5.314.739.135
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	542.615.625	1.212.223.660
- Chi phí trợ cấp mất việc	-	930.000.000
- Chi phí lãi vay theo Nghị định số 132/2022/NĐ-CP	-	3.040.515.475
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	132.000.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.747.234.443)	(3.241.426)
- Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(5.869.818)	(3.241.426)
- Chi phí lãi vay không được trừ năm trước	(3.040.515.475)	-
- Chi phí trợ cấp thôi việc	(1.700.849.150)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.837.444.390	5.426.528.354
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.367.488.878	1.085.305.671
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (*)	934.029.243	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(938.095.630)	1.224.753.382
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(167.751.066)	(3.248.154.683)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.195.671.425	(938.095.630)

(*) Công ty ghi nhận bổ sung chi phí thuế TNDN phải nộp theo Kết luận số 333/KL-CT ngày 06/09/2023 và Quyết định số 3139/QĐ-CT ngày 06/09/2023 về thanh tra thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho năm 2020 - 2021. Bên cạnh đó, Công ty cũng ghi nhận bổ sung chi phí thuế TNDN năm 2022 theo Tờ khai quyết toán thuế năm 2022 - Lần 1.

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.608.545.087	(970.275.026)
Các khoản điều chỉnh	(1.578.807.169)	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(1.578.807.169)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.029.737.918	(970.275.026)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	575	(79)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 199/NQ-ĐHCD ngày 14/04/2023, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành theo tỷ lệ 18,34% Lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.158.660.952.097	1.470.304.032.196
Chi phí nhân công	68.583.670.639	64.563.119.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.477.031.350	7.977.086.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.524.995.262	144.722.110.611
Chi phí khác bằng tiền	29.038.557.441	24.681.023.081
Hoàn nhập dự phòng	(2.039.297.064)	(10.650.985.714)
	<u>1.373.245.909.725</u>	<u>1.701.596.385.958</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.481.541.600	-	-	122.481.541.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	121.886.740.130	-	-	121.886.740.130
	244.368.281.730	-	-	244.368.281.730
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.471.777.086	-	-	32.471.777.086
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.045.870.472	-	-	59.045.870.472
	91.517.647.558	-	-	91.517.647.558

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	44.173.736.105	51.048.000.000	-	95.221.736.105
Chi phí phải trả	3.690.499.132	-	-	3.690.499.132
	47.864.235.237	51.048.000.000	-	98.912.235.237
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.997.955.772	51.048.000.000	-	55.045.955.772
Chi phí phải trả	3.937.435.920	-	-	3.937.435.920
	7.935.391.692	51.048.000.000	-	58.983.391.692

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	154.443.478.151	761.459.927.180
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	154.443.478.151	869.835.990.230

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 13 tháng 09 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4898/QĐ-UBND phê duyệt danh mục các cơ sở phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - đợt 2, trong đó nêu rõ cơ sở sản xuất của công ty tại Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải hoàn thành di dời vào quý IV/2019.

Để chuẩn bị cho công tác di dời, Công ty đã lên kế hoạch di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, huyện Nhà Bè. Tổng chi phí di dời dự tính khoảng 960 tỷ VND và đã được Đại hội cổ đông Công ty phê duyệt chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra Văn bản số 288/UBND-KT chấp thuận cho Công ty được di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, huyện Nhà Bè.

Tuy nhiên, khi có ý kiến của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc dừng di dời dây chuyền luyện cán thép của Công ty và đánh giá về hiệu quả của việc di dời về Khu Công nghiệp Hiệp Phước 2, huyện Nhà Bè, Tổng Công ty Thép Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") đã ban hành Quyết định số 580/VNS-HDQT ngày 24/06/2019 về việc yêu cầu Công ty dừng việc thực hiện di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Để đảm bảo có thời gian xây dựng lại kế hoạch di dời theo chỉ đạo của Tổng Công ty, các bên đã:

- Công ty đã gửi Công văn số 551/VKC-KT ngày 15/07/2019 cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị tạo điều kiện cho Công ty gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại trong thời gian 02 đến 03 năm tiếp theo để có đủ thời gian lập và triển khai dự án.
- Công ty đã gửi Công văn số 591/VKC-KT ngày 31/07/2019 cho Tổng Công ty và Ban đầu tư của Tổng Công ty đề nghị Tổng Công ty có văn bản gửi Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc dừng không thực hiện di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2 và cho Công ty có thời gian để triển khai kế hoạch di dời cũng như đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty đã gửi Báo cáo số 748/BC-VNS ngày 12/09/2019 cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và đề xuất SCIC có kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho phép Công ty được gia hạn ký hợp đồng thuê đất đến hết năm 2022 để có thời gian triển khai kế hoạch di dời nhà máy về địa điểm mới và đảm bảo công an việc làm cho gần 400 lao động.
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) có Công văn số 1869/ĐTKD – ĐT4 ngày 12/09/2019 về việc đề nghị gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty gửi Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 773/VKC-KT ngày 11/11/2019 cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tài Nguyên và Môi trường sớm phê duyệt cho Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê đất gia hạn đến hết năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Theo Công văn số 1132/VNS-TCKT ngày 20/12/2023 của Tổng Công ty Thép – CTCP về việc cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tiếp tục hoạt động trong vòng ít nhất 01 năm từ ngày Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) phát hành, Tổng Công ty vẫn đang theo sát và sẽ có những chỉ đạo cần thiết cho hoạt động SXKD của Công ty trong các năm tới.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh có Công văn số 095/CN1-KHDNL ngày 19/01/2022 về việc xem xét tài trợ tín dụng cho Công ty thực hiện dự án đầu tư với số tiền tài trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án (dự kiến số tài trợ là 511 tỷ VND).

Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu xem xét địa điểm để di dời nhà máy.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.337.715.011.072	1.753.094.283.255
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	1.123.059.167.468	1.598.579.957.371
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	115.080.016.834	99.305.292.000
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	102.294.078	16.034.384
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	27.204.692	349.200.000
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	99.445.248.000	54.843.799.500
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.080.000	-

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		1.819.823.262	10.172.783.547
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	1.819.823.262	10.172.783.547
Mua hàng hóa, vật tư		21.129.523.868	4.420.849.386
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	546.921.040	711.559.260
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	497.114.346	921.188.280
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	322.240.000	1.943.512.000
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	64.779.982	101.312.726
- Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	19.698.468.500	743.277.120
Doanh thu hoạt động tài chính		39.030.551	227.935.701
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	39.030.551	227.935.701
Chi phí tài chính		4.738.048	169.312.599
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	4.738.048	169.312.599
Chi phí bán hàng		4.775.997.996	5.767.660.158
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3.436.513.496	5.743.708.842
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	44.537.680	23.951.316
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	1.294.946.820	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt			
- Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	671.515.000	748.100.000
- Ông Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	48.000.000	63.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
- Ông Ngô Sỹ Hiếu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/03/2022)	-	27.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	651.200.000	750.200.000
- Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	519.860.000	595.600.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: (tiếp theo)

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	519.860.000	603.600.000
- Ông Vũ Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/08/2023)	455.336.000	450.742.000
- Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/02/2022)	-	160.800.000
- Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	487.045.000	539.400.000
- Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng Ban kiểm soát	291.537.000	336.315.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên BKS	294.107.000	321.859.000
- Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên BKS	36.000.000	41.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Quế Nga
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024



Đỗ Thị Long Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến
Tổng Giám đốc